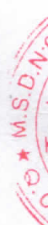


CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đàm Xuân Vũ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27/04/2016)
Bà Trần Thị Minh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Vũ Khắc Đáp	Thành viên
Ông Trương Quang Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dương	Thành viên
Ông Đinh Văn Viện	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Vũ Khắc Đáp	Tổng Giám đốc
Ông Trần Gia Hưng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dương	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Văn Viện	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2016)
Ông Nguyễn Đức Vượng	Phó Tổng giám đốc
Ông Võ Kiên Giang	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP



Vũ Khắc Đáp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2017

Số: 119 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/02/2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.


Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Báo cáo phát hành ngày 30/03/2016 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.





Phạm Ngọc Toán
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Đặng Thị Kim Trinh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2013-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.866.990.324	280.304.268.558
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.408.885.069	16.395.099.810
1 Tiền	111	V.1.	23.408.885.069	16.395.099.810
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.145.140.970	185.481.386.767
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	95.563.827.047	127.595.696.366
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	22.593.213.386	20.620.735.968
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	40.861.646.067	40.153.209.749
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.873.545.530)	(2.888.255.316)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7.	-	-
IV Hàng tồn kho	140	V.8.	55.949.793.032	78.205.223.351
1 Hàng tồn kho	141		55.949.793.032	78.205.223.351
V Tài sản ngắn hạn khác	150		3.363.171.253	222.558.630
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.267.541.293	4.440.405
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	95.629.960	218.118.225
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.948.374.057	20.681.131.269
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		10.975.885.157	7.678.421.269
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	7.893.176.083	4.595.712.195
- Nguyên giá	222		30.236.507.298	26.335.089.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.343.331.215)	(21.739.377.600)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	3.082.709.074	3.082.709.074
- Nguyên giá	228		3.082.709.074	3.082.709.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	12.972.488.900	13.000.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	6.500.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.800.000.000	2.000.000.000
3 Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		4.500.000.000	4.500.000.000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(327.511.100)	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	2.710.000
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.710.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		261.815.364.381	300.985.399.827

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2016	01/01/2016
C NỢ PHẢI TRẢ	300		212.860.628.139	252.239.119.852
I Nợ ngắn hạn	310		208.707.410.183	252.105.119.852
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	146.304.337.840	147.646.152.993
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	32.857.920.757	26.139.388.997
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	3.192.644.948	11.255.086.886
4 Phải trả người lao động	314		908.878.930	520.934.635
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	596.836.673	797.069.973
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	20.874.564.253	22.385.903.896
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.	3.820.161.445	43.208.517.135
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		152.065.337	152.065.337
II Nợ dài hạn	330		4.153.217.956	134.000.000
1 Phải trả người bán dài hạn	331	V.12.	4.153.217.956	134.000.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.954.736.242	48.746.279.975
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	48.954.736.242	48.746.279.975
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		758.266.000	758.266.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	418		3.227.330.000	3.227.330.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.969.140.242	4.760.683.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.760.683.975	4.453.055.275
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		208.456.267	307.628.700
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		261.815.364.381	300.985.399.827

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phan Thị Phương Hòa

Ngô Tuyết Minh

Vũ Khắc Đáp

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	254.135.346.225	347.710.457.556
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	2.453.658.532
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		254.135.346.225	345.256.799.024
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	242.002.916.691	333.679.194.629
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.132.429.534	11.577.604.395
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	2.349.055.795	2.689.984.400
7 Chi phí tài chính	22	VI.5.	2.223.060.331	5.201.100.008
Chi phí lãi vay	23		1.895.549.231	5.201.100.008
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	12.666.019.493	13.790.503.930
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(407.594.495)	(4.724.015.143)
11 Thu nhập khác	31	VI.6.	1.716.870.746	13.801.365.521
12 Chi phí khác	32	VI.7.	937.580.917	8.729.681.262
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		779.289.829	5.071.684.259
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		371.695.334	347.669.116
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10.	163.239.067	40.040.416
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		208.456.267	307.628.700
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11.	52,11	-

(*): Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Phan Thị Phương Hòa

Ngô Tuyết Minh

Vũ Khắc Đáp

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		371.695.334	347.669.116
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		1.457.511.567	1.291.580.797
- Các khoản dự phòng	03		1.312.801.314	(1.658.821.062)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.349.055.795)	(3.228.717.766)
- Chi phí lãi vay	06		1.895.549.231	5.201.100.008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.688.501.651	1.952.811.093
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.087.854.695	11.690.871.928
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.255.430.319	69.559.177.047
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		269.898.354	(60.433.809.537)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.710.000	145.533.830
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.095.782.531)	(5.201.100.008)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(100.551.879)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	41.812.813.666
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(36.207.673.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.108.060.609	23.318.624.328
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.754.975.455)	(243.681.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	538.733.366
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47.000.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		47.000.000.000	11.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(300.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.349.055.795	2.689.984.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.705.919.660)	2.985.035.948
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		64.838.664.217	124.369.315.334
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(104.227.019.907)	(159.169.994.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.388.355.690)	(34.800.679.556)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7.013.785.259	(8.497.019.280)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.395.099.810	24.892.119.090
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	23.408.885.069	16.395.099.810

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phan Thị Phương Hòa

Ngô Tuyết Minh

Vũ Khắc Đáp

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ hình thức Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 218/2003/QĐ-BCN ngày 26/12/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482060 đăng ký lần đầu ngày 20/04/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có mười ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101482060 đăng ký thay đổi lần 13 ngày 08/09/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **40.000.000.000 VND** (Bốn mươi tỷ đồng chẵn./.)

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là ICI.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề này khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích, chi tiết: Hệ thống tưới tiêu (kênh); các bể chứa; hệ thống nước thải bao gồm cả sửa chữa; nhà máy sửa chữa nước thải; các trạm bơm, khoan nguồn nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; các nhà máy lọc dầu; các xưởng hóa chất; đường thủy bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; xây dựng đường hầm; công trình thể thao ngoài trời; Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng đến nhóm A, xây dựng các công trình thủy lợi, đường bộ, đường dây và trạm biến thế điện; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự); Lắp đặt hệ thống điện, chi tiết: lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở, công trình dân dụng và công nghiệp gồm dây dẫn, thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính, dây cáp truyền hình bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy, báo động chống trộm, tín hiệu điện, đèn phố;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống bơm cho phòng cháy chữa cháy; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy, kim thu sét;...

Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 13 ngày 08/09/2015./.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 158 phố Hạ Đình - P. Thanh Xuân Trung - Q. Thanh Xuân - TP. Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

- Xí nghiệp Xây dựng số 1
Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
- Xí nghiệp Xây dựng số 5
Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
- Xí nghiệp Xây dựng số 7
Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
- Xí nghiệp Xây dựng số 9
Địa chỉ: Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Trường Bổ túc văn hóa
Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội

Công ty liên kết của Công ty

- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC
Địa chỉ: Cầu Giấy, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 24,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24,00%
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3
Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 20,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%
- Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp
Địa chỉ: Thanh Xuân, Hà Nội
Tỷ lệ phần sở hữu: 20,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị phụ thuộc và giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau đã được bù trừ khi tổng hợp báo cáo tài chính.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư góp vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác theo giá gốc kể từ ngày góp vốn. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất. Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành. Công ty hiện đang thực hiện việc trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon dựa trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Đơn vị này.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	08 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty không thực hiện việc trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là chi phí phí lãi vay được trích trước dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được Công ty ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động xây lắp và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, thu cổ tức,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông/Quyết định chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ cho thuê thương hiệu, tiền vệ sinh, bảo vệ, điện nước dùng chung, cho thuê kho và văn phòng và các thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận và kết chuyển dựa trên tỷ lệ giao khoán của từng công trình đã quy định tại Hợp đồng giao khoán và phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí lãi vay và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt	360.651.778	3.428.057.466
Tiền gửi ngân hàng	23.048.233.291	12.967.042.344
Cộng	23.408.885.069	16.395.099.810

2. Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Tại Văn phòng Công ty				
Cục thuế TP. Hồ Chí Minh	13.592.787.800	-	-	-
Đại học Giao thông vận tải	8.654.880.214	-	9.122.169.214	-
PGD Quang Minh - BIDV tây Hà nội	8.278.789.651	-	8.278.789.651	-
Ban QLDA Công trình xây dựng cơ bản tỉnh Trà Vinh	6.660.268.141	-	-	-
Trường ĐHSP Hà nội - Công trình Nhà Thí nghiệm	5.616.511.200	-	7.616.511.200	-
Đại học Vinh	5.248.868.000	-	14.584.332.000	-
Ban QLDA Chợ Long Biên	4.721.079.150	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Nhơn Trạch	3.849.970.412	-	3.849.970.412	-
Công ty CP Xây dựng phát triển nhà và Thương mại	3.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	2.426.582.000	-	4.830.453.000	-
Ban quản lý dự án - Nâng tầng nhà E1 - Khoa Luật	2.378.592.000	-	-	-
Trường Đại học Thái Nguyên	2.350.152.000	-	2.350.152.000	-
Ban Tôn giáo Chính phủ	2.127.203.000	-	-	-
Trường ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh	-	-	10.860.338.727	-
Chi cục thuế Huyện Gia Bình, Bắc Ninh	-	-	4.511.178.000	-
Khu công nghệ cao Láng hoà lạc	800.868.795	-	4.499.081.795	-
Ban quản lý dự án giao thông đô thị	-	-	3.723.357.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì - Xây dựng nhà lý thuyết 7 tầng và nhà xưởng thực hành 4 tầng	853.645.183	-	3.153.645.183	-
Các đối tượng khác	8.066.628.090	(875.839.268)	4.424.442.828	(647.784.130)
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 1				
Công ty TNHH Vân Đồn Hạ Long	2.705.077.211	-	2.705.077.211	-
Chi cục thuế huyện Pắc Nặm - Bắc Kạn	1.286.889.603	-	1.286.889.603	-
Các đối tượng khác	964.520.567	-	855.791.567	-
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 5				
Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	-	-	7.583.364.391	-
Công ty Bông Mai	781.880.000	(781.880.000)	781.880.000	(781.880.000)
Bệnh viện tâm Thần Bắc Ninh	12.239.000	(12.239.000)	12.239.000	(12.239.000)
Các đối tượng khác	1.128.668.379	-	1.128.668.379	-
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 7				
Tổng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm	530.042.000	-	207.182.000	-
Công ty CP Thương mại và Du lịch Hoàng Linh	100.000.000	-	300.000.001	-
Trường Đại học Ngoại ngữ	57.991.620	(57.991.620)	57.991.620	(57.991.620)
Công ty Du lịch công đoàn Vĩnh Yên	110.419.420	(110.419.420)	110.419.420	(110.419.420)
Các đối tượng khác	2.781.300.100	-	2.781.300.100	-
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 9				
Ngân hàng Công Thương - Chi nhánh Tam Hiệp	-	-	600.000.000	-
Đại học Kinh tế	-	-	4.306.026.077	-
Các đối tượng khác	4.193.522.901	-	3.497.505.386	-
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Công ty TNHH Công nghiệp Quốc Anh	-	-	1.202.054.293	-
BQL Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thông tin	1.322.957.310	-	4.413.393.008	-
Công ty FICO Công nghệ cao	461.493.300	-	461.493.300	-
Cộng	95.563.827.047	(1.838.369.308)	127.595.696.366	(1.610.314.170)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
a) Đầu tư vào công ty con	-	-	-	6.500.000.000	-	6.500.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC (*)	-	-	-	6.500.000.000	-	6.500.000.000
b) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	8.800.000.000	-	8.800.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC (*)	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp (**)	300.000.000	-	300.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000
c) Đầu tư khác vào công cụ vốn (***)	4.500.000.000	(327.511.100)	4.172.488.900	4.500.000.000	-	4.500.000.000
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới Xây dựng	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Công ty CP Bê tông Ly tâm Vinaincon	2.000.000.000	(327.511.100)	1.672.488.900	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	13.300.000.000	(327.511.100)	12.972.488.900	13.000.000.000	-	13.000.000.000

(*): Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 31/12/2015: vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC tăng từ 10 tỷ đồng tăng lên 27 tỷ đồng. Công ty không thực hiện việc góp vốn bổ sung nên tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết giảm từ 65% xuống còn 24%. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty này trở thành khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

Thông tin về các Công ty liên kết khác và khoản đầu tư khác về công cụ vốn về hoạt động và tỷ lệ vốn góp:

(**): Thực hiện đầu tư theo Nghị quyết và Công văn số 05/TB-XDCN ngày 23/11/2016 với tỷ lệ vốn góp là 20%.

(***): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tại Văn phòng Công ty		
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	38.500.000	-
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 5		
Nguyễn Bá Danh	-	52.040.331
Phạm Xuân Thanh	5.000.000	5.000.000
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 9		
Trần Mạnh Hồ	2.091.718.290	2.066.718.290
Phạm Anh Tuấn	3.112.714.559	2.962.836.669
Trần Hào Hiệp	10.437.298.455	10.103.869.308
Phạm Đình Thòa	1.717.939.570	-
Các đối tượng khác	5.190.042.512	5.430.271.370
Cộng	22.593.213.386	20.620.735.968

5. Phải thu khác	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Tại Văn phòng Công ty				
Phải thu khác	4.445.065.180	(1.511.318.571)	9.615.008.146	(754.083.495)
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	192.698.000	(192.698.000)	192.698.000	(96.349.000)
Công ty Xây lắp hoá chất H76	539.872.990	(539.872.990)	539.872.990	(269.936.495)
Công ty CP Công nghiệp và Xây dựng Thăng Long	390.949.581	(390.949.581)	390.949.581	-
Phải thu khác	3.321.544.609	(387.798.000)	8.491.487.575	(387.798.000)
Tạm ứng	514.546.488	-	507.002.488	-
Nguyễn Ngọc Thanh	225.000.000	-	225.000.000	-
Phan Hữu Nam	181.769.551	-	181.769.551	-
Đối tượng khác	107.776.937	-	100.232.937	-
Dư nợ TK 338	2.456.644.563	-	970.526.645	-
Bảo hiểm xã hội	2.420.047	-	640.197	-
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp 24	-	-	208.598.299	-
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới xây dựng	2.370.777.000	-	186.000.000	-
Phải trả khác - cơ quan	83.447.516	-	575.288.149	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tại Xí nghiệp Xây dựng số 1

Phải thu khác	208.804.767	-	1.466.259.118	-
Các đối tượng khác	208.804.767	-	1.466.259.118	-
Dư Nợ 3388	588.656.084	-	-	-
Lương Xuân Bằng	202.603.988	-	-	-
Nguyễn Anh Tuấn	205.677.133	-	-	-
Các đối tượng khác	180.374.963	-	-	-

Tại Xí nghiệp Xây dựng số 5

Phải thu khác	17.067.953.245	-	15.924.717.172	-
Các đối tượng khác	17.067.953.245	-	15.924.717.172	-
Tạm ứng	46.420.605	-	46.420.605	-
Mai Tuấn Khang	30.387.405	-	30.387.405	-
Trần Văn Phong	13.000.000	-	13.000.000	-
Lê Đình Sinh	3.033.200	-	3.033.200	-

Tại Xí nghiệp Xây dựng số 7

Phải thu khác	13.705.869.625	(523.857.651)	7.036.494.739	(523.857.651)
Nguyễn Quốc Việt	269.783.125	(269.783.125)	269.783.125	(269.783.125)
Lê Đình Ân	254.074.526	(254.074.526)	254.074.526	(254.074.526)
Các đối tượng khác	13.182.011.974	-	6.512.637.088	-

Tại Xí nghiệp Xây dựng số 9

Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	-	-
Khu quản lý Khu công nghệ cao Quận 9	100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	353.816.167	-	3.364.144.746	-
Công ty Viko Glowin	-	-	1.397.921.337	-
Khác	353.816.167	-	1.966.223.409	-

Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tạm ứng	-	-	1.156.000.000	-
Nguyễn Hữu Lâm	-	-	1.156.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	60.000.000	-
Bào lãnh dự thầu	-	-	60.000.000	-
Phải thu khác	1.373.869.343	-	6.636.090	-
Cộng	40.861.646.067	(2.035.176.222)	40.153.209.749	(1.277.941.146)

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Nợ xấu	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi</i>				
Trường Phổ thông trung học Phúc Trạch	192.719.000	-	192.719.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Thương mại Bách Việt	131.105.000	-	131.105.000	-
Công ty CP Xây dựng công nghiệp dân dụng 36	607.637.843	80.400.553	657.637.843	358.455.691
Công ty TNHH MTV Cơ khí hóa chất Hà Bắc	192.698.000	-	192.698.000	96.349.000
Công ty Xây lắp hoá chất H76	539.872.990	-	539.872.990	269.936.495
Công ty CP Công nghiệp và Xây dựng Thăng Long	390.949.581	-	390.949.581	390.949.581
Nguyễn Đình Hòa	122.400.000	-	122.400.000	-
Công ty Bông Mai	781.880.000	-	781.880.000	-
Nguyễn Quốc Việt	269.783.125	-	269.783.125	-
Lê Đình Ân	254.074.526	-	254.074.526	-
Các đối tượng khác	470.826.018	-	470.826.018	-
Cộng	3.953.946.083	80.400.553	4.003.946.083	1.115.690.767

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Máy bơm tĩnh (*)	01	-	-	-
Cộng	01	-	-	-

(*): Máy bơm tĩnh bị mất (năm 2013) đã hết khấu hao với giá trị 1.459.017.238 đồng.

8. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	55.949.793.032	-	78.205.223.351	-
Cộng	55.949.793.032	-	78.205.223.351	-

(*): bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình: xây dựng khu văn phòng - Nhà máy dược Việt Nam, xây dựng 2 xưởng 5 tầng Bắc Giang, Trường THCS Nguyễn Trãi, ...

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2016	3.082.709.074	3.082.709.074
Số dư ngày 31/12/2016	3.082.709.074	3.082.709.074
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2016	-	-
Số dư ngày 31/12/2016	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2016	3.082.709.074	3.082.709.074
Tại ngày 31/12/2016	3.082.709.074	3.082.709.074

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 158 Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2016	8.408.126.697	12.444.884.275	5.170.819.732	311.259.091	26.335.089.795
Mua trong năm	-	3.933.145.455	821.830.000	-	4.754.975.455
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(853.557.952)	-	(853.557.952)
Số dư ngày 31/12/2016	8.408.126.697	16.378.029.730	5.139.091.780	311.259.091	30.236.507.298
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2016	5.272.527.188	11.132.462.624	5.132.026.627	202.361.161	21.739.377.600
Khấu hao trong năm	308.654.230	656.383.061	484.174.276	8.300.000	1.457.511.567
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(853.557.952)	-	(853.557.952)
Số dư ngày 31/12/2016	5.581.181.418	11.788.845.685	4.762.642.951	210.661.161	22.343.331.215
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	3.135.599.509	1.312.421.651	38.793.105	108.897.930	4.595.712.195
Tại ngày 31/12/2016	2.826.945.279	4.589.184.045	376.448.829	100.597.930	7.893.176.083

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.204.106.248 VND.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 158 Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	-	-	61.294.614.528	93.691.308.548	32.396.694.020	32.396.694.020
Ngô Xuân Thuận	-	-	22.700.000	545.137.000	522.437.000	522.437.000
Trần Bá Hùng	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Nguyễn Thị Thanh Vân	-	-	-	1.350.000.000	1.350.000.000	1.350.000.000
Cái Thị Mai Diễm (2)	623.899.200	623.899.200	-	966.370.800	1.590.270.000	1.590.270.000
Công ty Cơ Giới (3)	2.666.863.714	2.666.863.714	2.923.999.014	3.892.135.300	3.635.000.000	3.635.000.000
Các đối tượng khác	529.398.531	529.398.531	597.350.675	2.282.068.259	2.214.116.115	2.214.116.115
Cộng	3.820.161.445	3.820.161.445	64.838.664.217	104.227.019.907	43.208.517.135	43.208.517.135

(1): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/134660/HĐTD ngày 23/5/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký đến hết ngày 16/05/2017. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất của trụ sở Công ty tại 158 Hạ Đình, toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/134660/2014/HĐTC ngày 01/10/2014, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ 186/5/2 đường Trục, Phường 13, quận Bình Thạnh, HCM, thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 là quyền sử dụng đất 466 m² tại thôn Đông Ngân thuộc sở hữu của ông Trần Thanh Thu và bà Tô Thị Đắc - Bố mẹ ông Trần Gia Hưng. Quyền sử dụng đất là quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại nhà số 5, ngõ 25B Cát linh thuộc sở hữu của ông Trần Thanh Thu và bà Tô Thị Đắc - Bố mẹ ông Trần Gia Hưng.Khoản vay đã được tái toán hết tại 31/12/2016.

(2): Các hợp đồng vay có thời hạn 3 tháng, 12 tháng với lãi suất tương ứng là 12%/năm, 13,2%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	146.304.337.840	146.304.337.840	147.646.152.993	147.646.152.993
Tại Văn phòng Công ty				
Lê Văn Bên - Trường Cao đẳng Nông lâm Đông Bắc	1.184.999.505	1.184.999.505	1.630.857.047	1.630.857.047
Trần Ngọc Định	1.786.211.626	1.786.211.626	1.868.102.494	1.868.102.494
Hoàng Bảo Ngọc - Công trình Đại học Vinh	3.489.637.716	3.489.637.716	8.559.503.453	8.559.503.453
Phạm Khắc Cảnh - CT Xưởng thực hành - Trường Cao đẳng Bắc giang	2.882.424.340	2.882.424.340	758.484.819	758.484.819
Phạm Khắc Cảnh - CT Khu VP; kiểm. nghiệm - Nhà máy sản xuất dược Việt Nam	4.598.151.731	4.598.151.731	1.161.474.370	1.161.474.370
Phạm Khắc Cảnh - CT Đường giao thông - Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	2.552.874.209	2.552.874.209	698.623.254	698.623.254
Các đối tượng khác	35.714.732.433	35.714.732.433	25.540.759.174	25.540.759.174
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 1				
Trần Hoàng Nguyên	13.969.748.464	13.969.748.464	17.686.723.583	17.686.723.583
Nguyễn Anh Tuấn	2.351.779.528	2.351.779.528	6.838.320.972	6.838.320.972
Các đối tượng khác	21.687.430.249	21.687.430.249	15.418.936.487	15.418.936.487
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 5				
Công ty Tasco Thành Nam	256.107.880	256.107.880	256.107.880	256.107.880
Nguyễn Huy Lượng	83.698.036	83.698.036	83.698.036	83.698.036
Trần Ngọc Định	1.144.691.993	1.144.691.993	1.144.691.993	1.144.691.993
Nguyễn Bá Danh	251.134.684	251.134.684	303.175.015	303.175.015
Phan Đại Thắng	333.955.647	333.955.647	333.955.647	333.955.647
Nguyễn Văn Hoà	115.369.389	115.369.389	203.237.198	203.237.198
Lê Văn Tu	298.433.442	298.433.442	577.631.700	577.631.700
Bùi Minh Châu	42.185.902	42.185.902	42.185.902	42.185.902
Các đối tượng khác	101.861.228	101.861.228	438.752.480	438.752.480
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 7				
Lê Văn Bên	1.774.488.808	1.774.488.808	2.048.849.020	2.048.849.020
Phùng Trắc Tân	1.209.252.809	1.209.252.809	1.209.252.809	1.209.252.809
Đỗ Huy Tùng	1.588.818.851	1.588.818.851	1.588.818.851	1.588.818.851
Nguyễn Thanh Bình	1.304.652.342	1.304.652.342	1.304.652.342	1.304.652.342
Phạm Văn Công	186.894.114	186.894.114	186.894.114	186.894.114
Dương Tuấn Đoan	291.638.214	291.638.214	291.638.214	291.638.214
Nguyễn Đức Hường	1.708.078.010	1.708.078.010	1.708.078.010	1.708.078.010

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Nguyễn Đăng Đạt	578.484.529	578.484.529	578.484.529	578.484.529
Các đối tượng khác	7.211.266.147	7.211.266.147	2.308.465.976	2.308.465.976
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 9				
Cửa hàng Vật liệu xây dựng Vạn Tín	1.487.953.438	1.487.953.438	1.514.165.438	1.514.165.438
Công ty Mê Kông	529.133.000	529.133.000	1.693.198.000	1.693.198.000
Công ty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Quang Trường	2.578.924.923	2.578.924.923	2.880.772.923	2.880.772.923
Công ty CP Bê tông Fico Pan United	-	-	1.605.572.501	1.605.572.501
Trần Thị Anh	20.922.922.751	20.922.922.751	25.418.851.175	25.418.851.175
Cù Văn Hạnh	1.147.593.605	1.147.593.605	398.088.013	398.088.013
Đào Thị Ngọc Minh	1.302.651.296	1.302.651.296	1.468.049.822	1.468.049.822
Các đối tượng khác	6.958.967.903	6.958.967.903	10.950.854.422	10.950.854.422
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.677.189.098	2.677.189.098	6.946.245.330	6.946.245.330
Trung tâm Thông tin Bộ Khoa học & Công nghệ	1.322.807.362	1.322.807.362	5.931.039.505	5.931.039.505
Các đối tượng khác	1.354.381.736	1.354.381.736	1.015.205.825	1.015.205.825
b) Dài hạn	4.153.217.956	4.153.217.956	134.000.000	134.000.000
Trần Thị Anh	4.153.217.956	4.153.217.956	134.000.000	134.000.000
Cộng	150.457.555.796	150.457.555.796	147.780.152.993	147.780.152.993

13. Người mua trả tiền trước**Ngắn hạn****Tại Văn phòng Công ty**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Viện Năng Lượng	8.827.563.000	-
Ban QLDA xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc - Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6.628.434.000	-
Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy TP. Hồ Chí Minh	6.348.534.452	-
Trường THCS Nguyễn Trãi	3.880.040.000	-
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam định	-	8.258.313.000
Cục thuế TP. Hồ Chí Minh	-	3.314.750.750
Các đối tượng khác	6.303.385.901	12.669.656.389
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 7	-	102.945.200
Tại Xí nghiệp Xây dựng số 9	540.009.246	1.556.466.372
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	329.954.158	237.257.286
Cộng	32.857.920.757	26.139.388.997

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	11.003.735.055	6.540.404.311	15.046.378.947	2.497.760.419
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.040.416	223.750.530	100.551.879	163.239.067
Thuế thu nhập cá nhân	60.160.323	83.433.118	74.086.735	69.506.706
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	329.581.538	329.581.538	-
Thuế môn bài	1.000.000	5.000.000	6.000.000	-
Thuế khác	150.151.092	482.417.345	170.429.681	462.138.756
Cộng	11.255.086.886	7.664.586.842	15.727.028.780	3.192.644.948
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	218.118.225	-	122.488.265	95.629.960
Cộng	218.118.225	-	122.488.265	95.629.960

15. Chi phí phải trả

31/12/2016 01/01/2016

VND VND

Ngắn hạn

Chi phí lãi vay khối lượng công trình	596.836.673	797.069.973
Cộng	596.836.673	797.069.973

16. Phải trả khác

31/12/2016 01/01/2016

VND VND

a) Ngắn hạn

Kinh phí công đoàn	8.022.000	63.661.672
Các khoản phải trả khác	19.788.162.943	21.325.434.568
Đội trưởng và chủ nhiệm công trình theo hợp đồng giao khoán	2.365.647.717	2.160.869.070
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng số 3	872.302.458	9.117.615.526
Công ty CP Đầu tư và Cơ giới xây dựng	3.728.565.963	8.460.245.798
Các đối tượng khác	12.821.646.805	1.586.704.174
Dư có TK 138	1.078.379.310	996.807.656
Trần Mạnh Toàn	83.119.000	-
Phạm Khắc Cảnh	75.117.500	171.455.400
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp 24	731.960.011	780.396.489
Nguyễn Văn Tám	157.500.000	-
Phải thu khác	30.682.799	44.955.767
Cộng	20.874.564.253	22.385.903.896

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 158 Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***17. Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	40.000.000.000	758.266.000	4.415.655.557	45.173.921.557
- Lãi trong năm trước	-	-	307.628.700	307.628.700
- Tặng khác (*)	-	-	59.786.505	59.786.505
- Giảm khác	-	-	(22.386.787)	(22.386.787)
Số dư tại ngày 31/12/2015	40.000.000.000	758.266.000	4.760.683.975	45.518.949.975
- Lãi trong năm nay	-	-	208.456.267	208.456.267
Số dư tại ngày 31/12/2016	40.000.000.000	758.266.000	4.969.140.242	45.727.406.242

(*): Tặng khác là khoản điều chỉnh lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013 - 2014.

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	14.400.000.000	14.400.000.000
Vốn của các đối tượng khác	25.600.000.000	25.600.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17.3 Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

17.5 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa công bố
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

17.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2016	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	3.227.330.000	-	-	3.227.330.000
Cộng	3.227.330.000	-	-	3.227.330.000

(*) Mục đích trích lập quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Trong năm Công ty không trích lập bổ sung quỹ này.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
Tiền USD	-	22,44

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	254.135.346.225	347.710.457.556
Cộng	254.135.346.225	347.710.457.556
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	2.453.658.532
Cộng	-	2.453.658.532
3. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn từ hoạt động xây lắp	242.002.916.691	333.679.194.629
Cộng	242.002.916.691	333.679.194.629
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	2.241.555.795	2.511.484.400
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.500.000	178.500.000
Cộng	2.349.055.795	2.689.984.400
5. Chi phí tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.895.549.231	5.201.100.008
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	327.511.100	-
Cộng	2.223.060.331	5.201.100.008
6. Thu nhập khác		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ tiền cho thuê thương hiệu	796.458.000	679.610.961
Thu nhập từ tiền vệ sinh, bảo vệ, điện nước dùng chung	220.529.000	214.928.000
Thu từ thanh lý TSCĐ và công cụ, dụng cụ	-	863.054.323
Thu nhập từ tiền cho thuê kho và văn phòng	543.226.637	217.679.475
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	-	2.230.954.409
Thu nhập khác	156.657.109	9.595.138.353
Cộng	1.716.870.746	13.801.365.521

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

7. Chi phí khác	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ di dời dự án Cầu Biều	480.000.000	-
Chi phí thanh lý TSCĐ và công cụ, dụng cụ	-	863.054.323
Phạt chậm nộp thuế	-	264.594
Chi phí dịch vụ địa chính	290.000.000	450.000.000
Các chi phí khác	167.580.917	7.416.362.345
Cộng	937.580.917	8.729.681.262
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	8.053.903.607	11.658.151.373
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.091.148	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	448.610.056	22.821.012
Thuế, phí và lệ phí	693.258.948	370.678.037
Chi phí dự phòng	985.290.214	761.828.347
Chi phí dịch vụ mua ngoài	453.442.328	246.441.655
Chi phí bằng tiền khác	1.991.423.192	730.583.506
Cộng	12.666.019.493	13.790.503.930
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.329.191.082	130.219.536.188
Chi phí nhân công	41.781.837.905	28.576.638.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.457.511.567	1.291.580.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.265.686.462	186.698.391.614
Chi phí khác bằng tiền	10.033.601.341	683.551.157
Cộng	236.867.828.357	347.469.698.559
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	258.201.272.766	361.748.148.945
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	258.093.772.766	361.569.648.945
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	107.500.000	178.500.000
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	257.829.577.432	361.400.479.829
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	257.277.577.432	361.387.647.055
<i>Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp, gồm:</i>	552.000.000	12.832.774
<i>Chi phí hỗ trợ di dời dự án Cầu Biều</i>	480.000.000	-
<i>Các khoản phạt và chi phí không được trừ khác</i>	-	12.832.774
<i>Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	72.000.000	-
<i>Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	816.195.334	182.001.890

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	163.239.067	40.040.416

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm 2016

VND

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	208.456.267
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	208.456.267
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	52,11

(): Công ty chưa có kế hoạch phân phối quỹ Khen thưởng phúc lợi.***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	64.838.664.217	129.055.888.666
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	104.227.019.907	159.285.106.116

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC
 Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp
 Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
2.1 Mua hàng	6.537.827.818	16.047.196.556
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	6.537.827.818	223.390.010
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	-	15.823.806.546
2.2 Bán hàng	984.032.836	709.290.199
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp 24-ICIC	796.458.000	416.373.854
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	42.065.800	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp số 3	145.509.036	292.916.345
2.2 Thu nhập của Ban Giám đốc	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương và các khoản phụ cấp	559.300.000	490.800.000
2.3 Số dư với các bên liên quan	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu	421.170.686	521.749.382
Phải thu khác	421.170.686	521.749.382
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp 24	363.639.207	451.954.800
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng số 3	-	69.794.582
Công ty CP Tư vấn thiết kế kiến trúc và Xây dựng công nghiệp	57.531.479	-
Các khoản phải trả	14.861.925.904	21.210.612.237
Phải trả khác	14.861.925.904	21.210.612.237
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp 24	13.989.623.446	12.092.996.711
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng số 3	872.302.458	9.117.615.526
3. Công cụ tài chính		
Quản lý rủi ro vốn		
Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.		
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền).		
Công nợ tài chính	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	3.820.161.445	43.208.517.135
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	23.408.885.069	16.395.099.810
Nợ thuần	(19.588.723.624)	26.813.417.325
Vốn chủ sở hữu	48.954.736.242	48.746.279.975
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	55%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.408.885.069	16.395.099.810
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.551.927.584	164.860.650.799
Các khoản đầu tư tài chính	4.172.488.900	4.500.000.000
Cộng	160.133.301.553	185.755.750.609
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.820.161.445	43.208.517.135
Phải trả người bán và phải trả khác	171.332.120.049	170.166.056.889
Chi phí phải trả	596.836.673	797.069.973
Cộng	175.749.118.167	214.171.643.997

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	167.178.902.093	4.153.217.956	171.332.120.049
Chi phí phải trả	596.836.673	-	596.836.673
Các khoản vay	3.820.161.445	-	3.820.161.445
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	170.032.056.889	134.000.000	170.166.056.889
Chi phí phải trả	797.069.973	-	797.069.973
Các khoản vay	43.208.517.135	-	43.208.517.135

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.408.885.069	-	23.408.885.069
Phải thu khách hàng và phải thu khác	132.551.927.584	-	132.551.927.584
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.172.488.900	4.172.488.900
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.395.099.810	-	16.395.099.810
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.860.650.799	-	164.860.650.799
Các khoản đầu tư tài chính	-	4.500.000.000	4.500.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP

Người lập biểu



Phan Thị Phương Hòa

Kế toán trưởng



Ngô Tuyết Minh

Tổng Giám đốc



Vũ Khắc Đáp

